

Ngày: 20 /8/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Ngân**

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Đinh Xuân Hải

Bà Nguyễn Thị Tạo

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Nhật Huy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 199/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

1.Lò Văn E, sinh năm 1990 . Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú : bản X, xã B, huyện M, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 7/12; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; con ông Lò Văn Y (sinh năm 1962) và bà Lò Thị X (sinh năm 1963); có vợ là Lò Thị K sinh năm 1995; có 02 con, con lớn sinh 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; Đầu thú ngày 3/4/2020

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an TP Hà Nội; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn N. Sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT: bản H, xã Q, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 5/12; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Khơ mú; con ông Lò Văn K (c) và bà Lò Thị (sinh năm 1958); có vợ là Lò Thị T sinh năm 1988; có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: 01 tiền sự: Năm 2012 UBND huyện T áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo đầu thú ngày 3/4/2020. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội- Có mặt tại phiên tòa

3. Lò Văn N. Sinh năm 1986; Nơi ĐHKHKT: bản N, xã N, huyện M, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa 12/12; Quốc tịch: Việt Nam,

Tôn giáo: Không; Dân tộc: Thái; con ông: Lò Văn S (sinh năm 1954) và bà Lò Thị H (sinh 1954); có vợ là Lương Thị H (sinh năm 1987), có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án: Ngày 23/12/2016, Tòa án nhân dân huyện M xử 24 tháng tù về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Ra trại ngày 21/6/2018 (chưa xóa án). Lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Bị cáo đầu thú ngày 3/4/2020. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội- Có mặt tại phiên tòa

***Người bị hại:** Anh Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1982- HKTT tại xã C, huyện L, tỉnh P)- vắng mặt tại phiên tòa

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Bùi Thị Lan A (sinh năm 1976; HKTT tại số 177 T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội)- vắng mặt tại phiên tòa.

***Trợ giúp viên pháp lý:** - Bà Nguyễn Thị Kim D- trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Lò Văn N

- Bà Nguyễn Thị Thanh X- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Lò Văn E, Lò Văn N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lò Văn E, Lò Văn N và Lò Văn N là thợ xây, cùng ăn ngủ tại khu biệt thự liền kề xây thô chưa có người ở tại LP16 khu biệt thự N ngõ 219 Y, quận C, thành phố Hà Nội. Quá trình ở tại đây, E biết dưới tầng hầm tòa nhà có một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS 29P3-1417 của anh Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1982; HKTT tại xã C, huyện L, tỉnh P) không có người trông giữ. Khoảng 19h ngày 3/4/2020, E rủ N và N trộm cắp chiếc xe máy trên để bán lấy tiền tiêu xài, N và N đồng ý. E đi xuống tầng hầm dắt chiếc xe máy ra ngoài còn N và N đứng chờ trước cửa. Do xe không có khóa điện nên N lấy đoạn dây điện buộc vào đầu chiếc xe máy vừa trộm cắp được, một đầu buộc và đuôi chiếc xe máy nhãn hiệu CPI màu nâu BKS 33K5-1507 của N đang sử dụng. Sau đó N điều khiển xe máy CPI chở E kéo theo chiếc xe máy Honda Wave do N điều khiển đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến trước số nhà 97 T, phường T, quận C thì biển số của xe máy Honda Wave sắp bị rơi nên N dừng xe lại tháo biển số ra, E vứt biển số xe vào bao tải đựng rác ở ven đường. Sau đó, các đối tượng đổi chỗ cho nhau, E điều khiển xe máy CPI chở N kéo theo chiếc xe máy Honda Wave do N điều khiển. Khi đi đến cây xăng đường D thì các đối tượng bị anh Đ và anh Trần Văn C (sinh năm 1979; HKTT tại xã B, huyện T, tỉnh V) phát hiện, tại chỗ E, N và N đã thừa nhận cùng nhau trộm cắp chiếc xe máy trên của anh Đ và đến Công an phường Y đầu thú.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave số khung: 466196, số máy 0466227 là tài sản trộm cắp; thu giữ của Ngôn: 01 xe máy nhãn hiệu CPI BKS 33K5-1507; 01 điện thoại di động Oppo 3S màu đen số sim 03357314957

Kết luận định giá số 142 ngày 5/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận C xác định 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpa màu xanh BKS 29P3-1417, số khung 466196, số máy 046227 có giá trị 2.640.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã dẫn giải bị can Ệ, N, N đến nơi các đối tượng vớt chiếc BKS 29P3-1417 tại địa chỉ số 97 T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội và đã thu giữ được chiếc BKS trên.

Tại cơ quan điều tra Ệ, N, N khai nhận tội như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, nhân chứng, vật chứng và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra.

Quá trình xác minh xác định chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave số khung 466196, số máy 0466227: Đăng ký mang tên anh Nguyễn Hoàng L. Anh L khai mua và đăng ký chiếc xe trên. Đến năm 2005, anh L bán chiếc xe trên cho một người đàn ông không nhớ địa chỉ. Anh Đ khai chiếc xe trên là của chị Bùi Thị Lan A (sinh năm 1976, HKTT tại số 177 T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội) giao cho anh quản lý, sử dụng nếu mất mát, hỏng hóc thì anh phải bồi thường cho chị A. Chị A khai phù hợp với lời khai của anh. Quá trình sử dụng, chị A đã làm mất giấy chứng nhận đăng ký xe. Công an phường Y xác nhận có việc chị A mua và sử dụng chiếc xe máy trên. Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe máy trên cho chị Bùi Thị Lan A, chị A nhận lại tài sản và không yêu cầu gì.

Chiếc xe máy nhãn hiệu CPI màu nâu số khung 2050579 số máy 00005726 BKS 33 K5-1507 thu giữ của N: Đăng ký xe mang tên anh P hùng Đức Huy. Xác minh tại địa chỉ trên không có người nào là Phùng Đức H. Ngôn khai ngày 3/4/2020 anh Tòng Văn T cho N mượn chiếc điện thoại Oppo 3S và chiếc xe máy trên để sử dụng. Việc Ngôn sử dụng chiếc xe máy trên để đi trộm cắp tài sản, anh T không biết. Anh T khai phù hợp với lời khai của N và khai mượn chiếc xe trên của anh Kiều Văn S. Anh S khai mua chiếc xe trên của một người đàn ông không rõ lai lịch tại T. Quá trình sử dụng anh S đã làm mất giấy tờ chứng nhận đăng ký xe. Đầu năm 2020 anh S cho anh T mượn xe để sử dụng. Cơ quan điều tra đã đăng báo tìm chủ sở hữu hiện chưa xác định được và quyết định tách chiếc xe máy trên để tiếp tục xử lý sau.

Tại bản cáo trạng số 209/CT-VKS ngày 17/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận C đã truy tố bị cáo Lò Văn E, Lò Văn N và Lò Văn N tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C giữ nguyên quan điểm truy tố nêu trên và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo E); điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo N); điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo N); đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn E Lò Văn N từ 9-12 tháng tù; bị cáo Lò Văn N từ 8-10 tháng tù. Miễn hình phạt tiền cho các bị cáo.

* Trợ giúp viên pháp lý trình bày bản bào chữa cho các bị cáo: đều nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tới hoàn cảnh miền núi, dân tộc thiểu số của các bị cáo. Bị cáo Lò Văn N phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị áp dụng điểm h, i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lò Văn E và Lò Văn N đều có 2 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn nhận tội và ăn năn hối cải, các bị cáo đều phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn, đề nghị áp dụng điểm h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với E và điểm s, h Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N, Điều 54 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ nêu trên, các vị luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng hình phạt thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát và được hưởng mức án bằng với thời gian tạm giam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Cầu Giấy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn E, Lò Văn N và Lò Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của các bị cáo là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của nguyên đơn dân sự, vật chứng thu được của vụ án. Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19h ngày 3/4/2020 tại khu biệt thự liền kề xây thô tại địa chỉ LP16, khu biệt thự N, ngõ 219 phường Y, quận C, thành phố Hà Nội; Lò Văn E, Lò Văn N, Lò Văn N đã trộm cắp 01 chiếc xe máy Honda Wave số khung 466196, số máy 0466227; BKS 29P3-1417 của anh Nguyễn Văn Đ, trị giá 2.640.000 đồng.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến khách thể trực tiếp là quyền sở hữu về tài sản của người khác gây mất trật tự ổn định xã hội. Các bị cáo biết rõ hậu quả nguy hiểm xảy ra nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với mục đích vụ lợi cá nhân thể hiện ý thức của các bị cáo là xem nhẹ pháp luật, coi thường tài sản của người khác. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Lò Văn Ệ là người rủ bị cáo N và N đi trộm cắp chiếc xe máy, bị cáo N và N là người thực hành. Về nhân thân: Bị cáo N và N là người có nhân thân xấu. Bị cáo N phạm tội lần này được xác định là tái phạm, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, phải xử phạt các bị cáo hình phạt tù mới tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và phải có sự phân hóa về mặt hình phạt đối với các bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Lò Văn Ệ thuộc trường hợp phạm tội lần đầu, trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng thêm điểm i Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài hình phạt chính, các bị cáo phải chịu thêm hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nhưng xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, là người dân tộc thiểu số không có nơi cư trú ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

Về dân sự: Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe máy Honda Wave BKS 29P3-1417 cho chị Bùi Thị Lan A, chị A nhận lại tài sản không yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn dây điện màu vàng dài khoảng 06 mét là công cụ phạm tội

Chiếc điện thoại di động Oppo 3S màu đen số sim 03357314957 không liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Tòng Văn Thân nên Hội đồng xét xử không xem xét

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn Ệ, Lò Văn N và Lò Văn N phạm tội **Trộm cắp tài sản.**

Áp dụng khoản 1 Điều 173 ; điểm i,s khoản 1 Điều 51 (đối với bị cáo Lò Văn Ệ); điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo Lò Văn

N; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với bị cáo Lò Văn N); Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015

- Điều 135, 136, 331, 333, 336, 337 Bộ luật tố tụng hình sự

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Lò Văn N: 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 3/4/2020

Xử phạt bị cáo Lò Văn N: 08 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 3/4/2020

Xử phạt bị cáo Lò Văn N: 12 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 3/4/2020

Miễn hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây điện màu vàng dài khoảng 06 mét.

(Vật chứng trên đang lưu tại Chi cục thi hành án dân sự quận C theo biên bản giao nhận vật chứng số 223/THA-CA ngày 21/7/2020)

Các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người bị hại , người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận C;
- Công an quận C;
- Trại tạm giam số 1- Công an TP Hà Nội
- Chi cục thi hành án dân sự quận C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM THỊ THU NGÂN